

Bản án số: 12/2018/HSST

Ngày: 17-01-2018

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ DĨ AN, TỈNH BÌNH DƯƠNG

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Ngà.

- Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Thu Vân;

2. Bà Nguyễn Thị Kim Hoa.

Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Bà Phạm Thị Trung Hiếu – Thư ký
Tòa án nhân dân thị xã Dĩ An, tỉnh Bình Dương.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Dĩ An, tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hải – Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 01 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Dĩ An, tỉnh Bình Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 390/2017/HSST ngày 20 tháng 12 năm 2017, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 482/2017/QĐXXST-HS ngày 28/12/2017, Quyết định hoãn phiên tòa số 02/2018/HSST-QĐ ngày 12/01/2018 đối với bị cáo:

1. Bùi Gia U, sinh năm 1978 tại tỉnh B; thường trú: Số 39 đường số, khu phố Đ, phường B, thị xã D, tỉnh B; nghề nghiệp: Buôn bán; trình độ văn hóa: 10/12; con ông Bùi Gia N, sinh năm 1948 và bà Bùi Thị C, sinh năm 1949; bị cáo có 04 anh chị em ruột; có vợ tên Đinh Thị T, sinh năm 1982 và 02 con lớn sinh năm 2010 và con nhỏ sinh năm 2012; tiền án, tiền sự: Không; bị cáo tại ngoại, có mặt tại phiên tòa.

2. Bùi Hữu T, sinh năm 1966 tại tỉnh T; thường trú: Số 617/3 khu phố T, phường A, thị xã T, tỉnh B; nghề nghiệp: Lái xe; trình độ văn hóa: 10/12; con ông Bùi Hữu T, đã chết và bà Đinh Thị T, đã chết; bị cáo có 06 anh chị em ruột; có vợ tên Nguyễn Thị H, sinh năm 1969 và 03 người con lớn nhất sinh năm 1989, nhỏ nhất sinh năm 1995; tiền án, tiền sự: Không; nhân thân: Ngày 12/11/2015 bị Tòa án nhân dân thị xã T xử phạt tiền 10.000.000 đồng về tội Đánh bạc (Bản án số 370/2015/HSST) bị cáo tại ngoại, có mặt tại phiên tòa.

3. Nguyễn Văn A, sinh năm 1974; thường trú: Số 20/3D khu phố B, phường A, thị xã D, tỉnh B; nghề nghiệp: Kinh doanh; trình độ văn hóa: 12/12; con ông Nguyễn Văn T, sinh năm 1930 và bà Nguyễn Thị V, sinh năm 1943; bị cáo có 05 anh em ruột; có vợ tên Nguyễn Thị T, sinh năm 1977 và 02 người con,

con lớn sinh năm 2007 và con nhỏ sinh năm 2015; tiền án, tiền sự: Không; bị cáo tại ngoại, có mặt tại phiên tòa.

4. Bùi Gia Tr, sinh năm 1981; thường trú: Xóm 4, phường Q, thị xã P, tỉnh T; nghề nghiệp: Lái xe; trình độ văn hóa: 9/12; con ông Bùi Gia X, sinh năm 1958 và bà Dương Thị K, sinh năm 1960; bị cáo có 03 anh em ruột; có vợ tên Phạm Thị H, sinh năm 1985 và 02 người con, lớn sinh năm 2007 và nhỏ sinh năm 2015; tiền án, tiền sự: Không; bị cáo tại ngoại, có mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Các bị cáo Bùi Gia Tr, Nguyễn Văn A, Bùi Hữu T, Bùi Gia U bị Viện kiểm sát nhân dân thị xã D, tỉnh B truy tố về hành vi phạm tội như sau:

Vào khoảng 10 giờ 30 phút ngày 23/09/2017 Bùi Gia Tr, Nguyễn Văn A, Bùi Hữu T đến quán cà phê H tại đường D3, khu phố T, phường D, thị xã D, tỉnh B để uống nước. Trong lúc đang ngồi nói chuyện với nhau thì U, T, Tr, A cùng rủ nhau đánh bài phỏm ăn thua bằng tiền và tất cả đồng ý. Hình thức chơi mỗi ván bài ăn thua từ 20.000 đồng đến 200.000 đồng. Lúc này U đi vào trong quán lấy 01 bộ bài tây ra rồi cùng T, A, Tr đánh bạc, đến khoảng 12 giờ 50 phút cùng ngày thì bị Công an phường D bắt quả tang. Số tiền các bị cáo sử dụng vào đánh bạc cụ thể: Bùi Gia Tr đem theo 3.200.000 đồng, sử dụng số tiền 600.000 đồng, thắng 150.000 đồng, khi bị bắt thu giữ dưới chiếu bạc 750.000 đồng, trong người 2.600.000 đồng; Nguyễn Văn A đem theo 4.200.000 đồng, sử dụng 500.000 đồng, thua 300.000 đồng, khi bị bắt thu giữ dưới chiếu bạc 200.000 đồng, trong người 3.700.000 đồng; Bùi Gia U đem theo 3.000.000 đồng và sử dụng hết, thua 1.700.000 đồng, khi bị bắt thu giữ trên chiếu bạc là 1.300.000 đồng; Bùi Hữu T đem theo 2.500.000 đồng và sử dụng hết, thắng 1.850.000 đồng, khi bị bắt thu giữ trên chiếu bạc 4.350.000 đồng. Tổng số tiền các bị can dùng để đánh bạc là 6.600.000 đồng.

Vật chứng trong vụ án: 01 bộ bài tây các bị can dùng vào việc phạm tội cần tuyên tịch thu tiêu hủy và số tiền 6.600.000 đồng.

Bản Cáo trạng số: 10/QĐ-KSĐT ngày 19 tháng 12 năm 2017 của Viện Kiểm sát nhân dân thị xã D, tỉnh B truy tố Bùi Gia U, Bùi Hữu T, Nguyễn Văn A và Bùi Gia Tr về tội “Đánh bạc” theo khoản 1 Điều 248 Bộ luật Hình sự. Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã D giữ nguyên quyết định truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 248 Điều 53; điểm h, p Khoản 1 Điều 46 Bộ luật Hình sự năm 1999 và điểm x khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015 xử phạt bị cáo Bùi Gia U từ 10.000.000 đồng đến 15.000.000 đồng; Bùi Hữu T từ 10.000.000 đồng đến 13.000.000 đồng, Nguyễn Văn A từ 7.000.000 đồng đến 10.000.000 đồng; Bùi Gia Tr từ 9.000.000 đồng đến 12.000.000 đồng. Về xử lý vật chứng đề nghị Hội đồng xét xử tịch thu tiêu hủy 01 bộ bài tây; tịch thu sung quỹ Nhà nước số tiền 6.600.000 đồng liên quan đến hành vi phạm tội của các bị cáo.

Tại phiên tòa: Các bị cáo đã khai nhận hành vi phạm tội như nội dung đã tóm tắt nêu trên và xin giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng: Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an thị xã D, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân thị xã D, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo không có ý kiến hay khiếu nại gì về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về nội dung vụ án: Vào khoảng 10 giờ 30 phút ngày 23/09/2017 tại quán cà phê H thuộc khu phố T, phường D, thị xã D, tỉnh B, Công an phường D bắt quả tang Bùi Gia U, Bùi Hữu T, Nguyễn Văn A và Bùi Gia Tr đang đánh bạc thắng thua bằng tiền nên thu giữ được 01 bộ bài tây và số tiền 6.600.000 đồng. Hành vi của các bị cáo đánh bạc thắng thua bằng tiền nhằm sát phạt lẫn nhau đã đủ yếu tố cấu thành tội “Đánh bạc” theo quy định tại Khoản 1 Điều 248 Bộ luật Hình sự. Cáo trạng số: 10/QĐ-KSĐT ngày 19 tháng 12 năm 2017 của Viện Kiểm sát nhân dân thị xã D, tỉnh B và bản luận tội của Kiểm sát viên đề nghị đối với các bị cáo là có căn cứ đúng người, đúng tội và đúng pháp luật.

[3] Tính chất, mức độ của hành vi: Tội phạm do các bị cáo thực hiện tuy là ít nghiêm trọng nhưng đã xâm phạm trật tự công cộng, trật tự xã hội. Về ý thức chủ quan, các bị cáo nhận thức rõ hành vi đánh bạc là vi phạm pháp luật bị Nhà nước nghiêm cấm, nhưng vì tham lam tư lợi các bị cáo đã cố tình thực hiện. Vì vậy, cần xử phạt các bị cáo với mức án tương xứng với tính chất, mức độ tội phạm đã thực hiện, có xét đến vai trò của các bị cáo các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, nhân thân của các bị cáo đủ để giáo dục, cải tạo và có tác dụng đấu tranh phòng ngừa chung.

[4] Trong vụ án có đồng phạm nhưng là đồng phạm giản đơn, không có sự phân công vai trò cụ thể, các bị cáo cùng trực tiếp tham gia đánh bạc nên vai trò như nhau.

[5] Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Các bị cáo không có.

[6] Xét tính chất, mức độ hành vi phạm tội của các bị cáo thực hiện là ít nghiêm trọng, có nơi cư trú rõ ràng, trong thời gian tại ngoại luôn chấp hành tốt chính sách pháp luật của Nhà nước và địa phương. Do đó Hội đồng xét xử quyết định áp dụng hình phạt tiền đối với các bị cáo, không cần cách ly các bị cáo ra khỏi đời sống xã hội cũng đủ sức răn đe, giáo dục và không làm ảnh hưởng đến tình hình đấu tranh phòng chống tội phạm trên địa bàn thị xã D, tỉnh B.

[7] Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Tại cơ quan điều tra cũng như tại phiên tòa các bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; bị cáo U, A, Tr phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; bị cáo U, T, A có cha là người có công với cách mạng. Đây là những tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo quy định tại điểm h, p khoản 1, khoản 2 Điều 46 Bộ luật Hình sự năm 1999, sửa đổi, bổ sung năm 2009; điểm x khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự 2015 và theo Nghị quyết số 41/2017/QH14 ngày 20/6/2017 của Quốc hội về thi hành Bộ luật

Hình sự 2015 đã được sửa đổi, bổ sung. Hội đồng xét xử áp dụng để xem xét giảm nhẹ một phần hình phạt cho các bị cáo.

[8] Về nhân thân: Bị cáo U, A, Tr đều là người có nhân thân tốt, chưa có tiền án, tiền sự. Riêng bị cáo T là người có nhân thân xấu thể hiện việc bị cáo đã từng bị Tòa án nhân dân thị xã T xử phạt tiền 10.000.000 đồng về tội Đánh bạc (Bản án số 370/2015/HSST ngày 12/11/2015), mặc dù bị cáo đã được xóa án tích nhưng vẫn cố ý phạm tội mới. Các bị cáo đều có việc làm ổn định; hoàn cảnh kinh tế gia đình khó khăn.

[9] Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã D về hình phạt đối với các bị cáo và xử lý vật chứng là phù hợp nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[10] Về hình phạt bổ sung: Theo quy định tại khoản 3 Điều 248 Bộ luật Hình sự thì “Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ ba triệu đồng đến ba mươi triệu đồng”. Tuy nhiên Hội đồng xét xử đã áp dụng hình phạt chính là phạt tiền nên không áp dụng hình phạt bổ sung đối với các bị cáo.

[11] Về vật chứng:

+ Đối với số tiền 6.60.000 đồng tại phiên tòa các bị cáo xác định đã sử dụng vào việc đánh bạc, căn cứ vào điểm b khoản 1 Điều 41 Bộ luật Hình sự; điểm c, khoản 2 Điều 76 Bộ luật Tố tụng hình sự, cần tịch thu sung quỹ Nhà nước.

+ Xét 01 bộ bài tây các bị cáo sử dụng làm công cụ để đánh bạc, không còn giá trị sử dụng. Căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 41 Bộ luật Hình sự; điểm d khoản 2 Điều 76 Bộ luật Tố tụng hình sự, cần tịch thu tiêu hủy.

[11] Án phí hình sự sơ thẩm: Các bị cáo phải nộp theo quy định tại khoản 1, 2 Điều 99 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2003; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố bị cáo Bùi Gia U, Bùi Hữu T, Nguyễn Văn A và Bùi Gia Tr phạm tội “Đánh bạc”.

Áp dụng khoản 1 Điều 248; Điều 53 Bộ luật Hình sự; điểm h, p khoản 1, khoản 2 Điều 46 Bộ luật Hình sự năm 1999, sửa đổi bổ sung năm 2009 và điểm x khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015.

Xử phạt bị cáo Bùi Gia U số tiền 11.000.000 đồng (mười một triệu đồng).

Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn A số tiền 8.000.000 đồng (tám triệu đồng).

Áp dụng khoản 1 Điều 248; Điều 53, điểm p khoản 1, khoản 2 Điều 46 Bộ luật Hình sự năm 1999, sửa đổi bổ sung năm 2009 và điểm x khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015.

Xử phạt bị cáo Bùi Hữu T số tiền 12.000.000 đồng (mười hai triệu đồng).

Áp dụng khoản 1 Điều 248; Điều 53 Bộ luật Hình sự; điểm h, p khoản 1 Điều 46 Bộ luật Hình sự năm 1999, sửa đổi bổ sung năm 2009 và điểm x khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015.

Xử phạt bị cáo Bùi Gia Tr số tiền 9.000.000 đồng (chín triệu đồng).

2. Xử lý vật chứng:

Áp dụng điểm a, b khoản 1 Điều 41 Bộ luật Hình sự; điểm c và đ khoản 2 Điều 76 Bộ luật Tố tụng hình sự.

Tịch thu sung quỹ Nhà nước 6.600.000 đồng (sáu triệu sáu trăm nghìn đồng).

Tịch thu tiêu hủy 01 (một) bộ bài tây đã qua sử dụng.

(Theo Biên bản giao, nhận vật chứng và biên lai thu tiền số 00640 ngày 19/12/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã D, tỉnh B).

3. Về án phí hình sự sơ thẩm:

Áp dụng khoản 1, 2 Điều 99 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2003; điểm a, khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Các bị cáo Bùi Gia U, Bùi Hữu T, Nguyễn Văn A và Bùi Gia Tr, mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng (hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

4. Các bị cáo Bùi Gia U, Bùi Hữu T, Nguyễn Văn A và Bùi Gia Tr được quyền kháng cáo trong hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bình Dương;
- Sở Tư pháp tỉnh Bình Dương;
- VKSND thị xã Dĩ An;
- Chi cục THADS thị xã Dĩ An;
- Công an thị xã Dĩ An;
- UBND cấp xã nơi bị cáo cư trú;
- Bị cáo;
- Người tham gia tố tụng khác;
- Lưu: Hồ sơ, THAHS, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Thị Ngà